

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2022/HNGĐ- ST

Ngày 28/9/2022

*“Về việc ly hôn, giao nuôi con chung
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quang
2. Ông Hoàng Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 266/2022/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST- HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thân Thị M, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Tống Phú G, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị M. và anh Tống Phú G. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 19/10/2011. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn S, xã T, huyện S. Quá trình chung sống

thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 6/2022 chị M. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tổng Phú G.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thân Thị M. trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G. chơi bời, không tu chí làm ăn, nợ nần nhiều, gia đình và địa phương đã hòa giải nhưng anh G. vẫn không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tổng Phú G.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Tổng Quốc Đ, sinh ngày 17/5/2012, cháu hiện đang ở cùng chị. Nếu ly hôn chị nhận nuôi cháu Đ. và không yêu cầu anh G. cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Thân Thị M. xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Tổng Phú G. có hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh G. và chị M. kết hôn với nhau vào năm 2011. Quá trình chung sống có hạnh phúc, sau do anh G. mãi chơi nợ nần nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng chỉ được thời gian ngắn vợ chồng lại mâu thuẫn, hiện nay chị M. đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, còn anh G. thì đang đi làm ăn tại tỉnh Lạng Sơn, không xác định được địa chỉ.

* Do bị đơn anh Tổng Phú G. không có mặt ở địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương không triệu tập được anh Tổng Phú G. đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn mà không tiến hành phiên hòa giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Thân Thị M. và anh Tổng Phú G. kết hôn vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện đang sống ly thân. Do vậy, Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Thân Thị M. được ly hôn với anh Tổng Phú G.; về con chung: Đề nghị giao cháu Tổng Quốc Đ, sinh ngày 17/5/2012 cho chị Thân Thị M. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Thân Thị M. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tống Phú G, giao cháu Tống Quốc Đ. cho chị M. nuôi dưỡng và không đề nghị giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “*Ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Bị đơn anh Tống Phú G. có hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã T, huyện S, hiện anh G. không có mặt ở địa phương. Như vậy, anh G. đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền cũng như chị M. biết, theo lời khai của chị M. và mẹ đẻ của anh G. chỉ biết hiện nay anh G. đi làm ăn xa tại tỉnh Lạng Sơn, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, anh G. có biết việc chị M. xin ly hôn nhưng anh G. không về làm việc. Đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thân Thị M. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Tống Phú G. vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị M. và anh Tống Phú G. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn, hiện đang sống ly thân. Tháng 6/2022 chị M. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Thân Thị M. và anh Tống Phú G. đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng hiện sống ly thân. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận xử cho chị Thân Thị M. được ly hôn với anh Tống Phú G.

- Về con chung: Chị Thân Thị M. và anh Tống Phú G. có 01 con chung là cháu Tống Quốc Đ, sinh ngày 17/5/2012. Cháu Đ. hiện đang ở với chị M.

Xét thấy, cháu Tống Quốc Đ. là con chung của chị Thân Thị M. và anh Tống Phú G. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu. Tuy nhiên, anh Tống Phú G. hiện không có mặt ở địa phương, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Đ. sống cùng với chị M. Quá trình giải quyết chị M. có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ. và cháu Đ. cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi

ly hôn, theo nguyện vọng của cháu Đ, cần giao cháu Tổng Quốc Đ, sinh ngày 17/5/2012 cho chị Thân Thị M. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Tổng Phú G. không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị M. không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Thân Thị M. xác định không có, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Thân Thị M. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thân Thị M. được ly hôn với anh Tổng Phú G.

2. Về con chung: Giao cháu Tổng Quốc Đ, sinh ngày 17/5/2012 cho chị Thân Thị M. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Tổng Phú G. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí : Chị Thân Thị M. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002176 ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị M. đã nộp đủ án phí của vụ án. Anh Tổng Phú G. không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã T,;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến